TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 24/4/2026
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Mây

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Thăng và bà Trần Thị Nhài

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên: không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 512/2025/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2026/QĐST - HNGĐ, ngày 14/4/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hồng N, sinh năm 1997 – có mặt

Địa chỉ: Tổ E, phường P, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1994 – có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Tổ E, phường P, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, lời khai tại Tòa án nguyên đơn là Trần Thị Hồng N trình bày: Tôi với anh Nguyễn Đức T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên vào ngày 28/12/2023. Việc chúng tôi kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối gì, sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 3 năm 2025 thì hai bên xảy ra mâu thuẫn đỉnh điểm. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên đi chơi đi chơi, không chăm lo cho, không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng hay cãi chửi nhau khiến cho cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, không hạnh phúc. Từ tháng 10 năm 2025 chúng tôi ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn vì vợ chồng sống ly thân nhau nên tôi xin ly hôn với anh T để tôi ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Diệp Thảo B, sinh ngày 14/12/2024. Sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, tôi yêu cầu anh Trung cấp D nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Đức T tại bản khai trình bày: Thời điểm kết hôn, việc đăng ký kết hôn như chị N trình bày là đúng. Vợ chồng có tìm hiểu nhau rồi đi đến hôn nhân, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 6 tháng thì phát sinh những mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống ngày càng khác biệt. Đến nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, không còn tình cảm nên nhất trí ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Diệp Thảo B, sinh ngày 14/12/2024. Sau khi ly hôn tôi nhất trí để chị N nuôi con vì cháu đang ở với mẹ. Việc chị N yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi tôi không nhất trí, tôi sẽ đóng học và lo các khoản cho cháu.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổ chức hoà giải, tạo điều kiện cho các bên đương sự có thời gian để suy nghĩ, tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, với mục đích để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không được. Do vậy Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt. Chị N đề nghị được giải quyết ly hôn, được nuôi con và yêu cầu anh Trung cấp D nuôi con theo quy định của pháp luật và xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn mà bị đơn cư trú tại phường P, tỉnh Thái Nguyên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên.

- Về sự có mặt của đương sự: Đối với nguyên đơn và bị đơn, anh Nguyễn Đức T đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng anh T có đơn xét xử vắng mặt do điều kiện công việc làm ăn xa, không tham gia phiên tòa được, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Đức T.

[2]. Về nội dung: Chị Trần Thị Hồng N và anh Nguyễn Đức T kết hôn năm 2023 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật trên cơ sở tự nguyện, do đó xác định quan hệ hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến việc hai bên sống ly thân từ năm 2025 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị N và anh T do quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai bên đã sống ly thân hoàn toàn nên cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị Hồng N , cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức T là phù hợp thực tế và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quyền nuôi con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là Nguyễn Diệp Thảo B, sinh ngày 14/12/2024, hai bên thống nhất để chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu B nên HĐXX chấp nhận giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên không thỏa thuận được, chị N đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào mức lương tối thiểu vùng tại Thái Nguyên năm 2026 (thuộc vùng 2) là 4.730.000đ nên chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con của anh T cùng với chị N là 2.500.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2026.

Về quyền và nghĩa vụ thăm con sau ly hôn: Anh T được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở, ngăn cấm. Vì lợi ích của con, chị N, anh T được quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh T đều xác định không có.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Hồng N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh T phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 482 BLTTDS; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84. Điều 107, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị Hồng N, cho chị N được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

2.Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Hồng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Diệp Thảo B, sinh ngày 14/12/2024 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Đức T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu B số tiền 2.500.000đ/ tháng (hai triệu năm trăm ngàn đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2026.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, chị Trần Thị Hồng N có đơn yêu cầu thi hành án, Anh Nguyễn Đức T không tự nguyện thi hành được khoản tiền cấp dưỡng nuôi con trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS.

- Về quyền và nghĩa vụ thăm con sau ly hôn: Anh Nguyễn Đức T được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở, ngăn cấm. Vì lợi ích của con, chị N, anh T được quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Hồng N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ - Biên lai

số 0003010 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Anh Nguyễn Đức T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách nhà nước.

5. Thông báo quyền kháng cáo: Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người này biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên bản án đối với nguyên đơn; kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với bị đơn./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Thái Nguyên*
- *VKSND khu vực 1;*
- *Phòng THA DS KV1;*
- *UBND phường Phan Đình Phùng;*
- Lưu hồ sơ + VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN HỒNG MÂY